### Mô tả use case UC001

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Thêm thực đơn** | |
| Mục đích: | Thêm được thông tin thực đơn vào CSDL |
| Mô tả: | Nhân viên hoặc người quản lý sẽ thêm mới thông tin thực đơn (món ăn hoặc đồ uống) vào danh sách thực đơn. |
| Tác nhân: | Nhân viên, người quản lý |
| Điều kiện trước: | Đăng nhập thành công bằng tài khoản nhân viên hoặc người quản lý và chọn vào mục Quản lý thực đơn |
| Điều kiện sau: | Thông tin thực đơn mới sẽ được lưu lại |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | 1. Nhấn nút thêm 2. Điền thông tin thực đơn 3. Lựa chọn loại của thực đơn đó là đồ uống hay món ăn 4. Nhấn nút Lưu 5. Thực đơn mới được thêm vào danh sách 6. Kết thúc |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): | 3.1 Nhấn nút huỷ  3.2 Kết thúc |
| Luồng sự kiện ngoại lệ (Exception Flows): | 4.1 Thông tin yêu cầu nhập chưa được nhập đầy đủ  4.2 Trùng tên thực đơn đã có sẵn  4.3 Kết thúc |

Bảng 3‑1. Đặc tả của use case thêm thực đơn

### Biểu đồ



### Mô tả use case UC001

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Sửa thực đơn** | |
| Mục đích: | Chỉnh sửa được thông tin thực đơn đang có ở trong CSDL và lưu lại thông tin mới được chỉnh sửa đó vào CSDL |
| Mô tả: | Nhân viên hoặc người quản lý sẽ sửa lại thông tin thực đơn (món ăn hoặc đồ uống) trong danh sách thực đơn |
| Tác nhân: | Nhân viên, người quản lý |
| Điều kiện trước: | Đăng nhập thành công bằng tài khoản nhân viên hoặc người quản lý và chọn vào mục Quản lý thực đơn |
| Điều kiện sau: | Thông tin thực đơn đã chỉnh sửa mới sẽ được lưu lại |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | 1. Nhấn nút sửa 2. Chọn một thực đơn ở trong danh sách để chỉnh sửa 3. Nhấn nút Lưu 4. Thực đơn đã chỉnh sửa được lưu lại 5. Kết thúc |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): | 2.1 Nhấn nút huỷ  2.2 Kết thúc |
| Luồng sự kiện ngoại lệ (Exception Flows): | 3.1 Trùng tên thực đơn đã có sẵn  3.2 Kết thúc |

Bảng 3‑1. Đặc tả của use case sửa thực đơn

### Biểu đồ



### Mô tả use case UC001

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Xoá thực đơn** | |
| Mục đích: | Xoá được thông tin thực đơn đang có ở trong CSDL |
| Mô tả: | Nhân viên hoặc người quản lý sẽ xoá thông tin thực đơn (món ăn hoặc đồ uống) ra khỏi danh sách thực đơn |
| Tác nhân: | Nhân viên, người quản lý |
| Điều kiện trước: | Đăng nhập thành công bằng tài khoản nhân viên hoặc người quản lý và chọn vào mục Quản lý thực đơn |
| Điều kiện sau: | Thông tin thực đơn đã xoá sẽ mất đi khỏi danh sách thực đơn |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | 1. Chọn một thực đơn ở trong danh sách để xoá 2. Nhấn nút xoá 3. Xác nhận đồng ý 4. Thực đơn được xoá khỏi danh sách 5. Kết thúc |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): | 3.1 Huỷ xác nhận  2.2 Kết thúc |
| Luồng sự kiện ngoại lệ (Exception Flows): | 2.1 Chưa có thực đơn nào được chọn |

Bảng 3‑1. Đặc tả của use case xoá thực đơn

### Biểu đồ



### Mô tả use case UC001

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Thêm nhân viên** | |
| Mục đích: | Thêm được thông tin nhân viên vào CSDL |
| Mô tả: | Người quản lý sẽ thêm mới nhân viên vào hệ thống để họ có quyền sử dụng hệ thống. |
| Tác nhân: | Người quản lý |
| Điều kiện trước: | Đăng nhập thành công bằng tài khoản người quản lý và chọn vào mục Quản lý nhân viên |
| Điều kiện sau: | Thông tin nhân viên mới sẽ được lưu lại |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | 1. Chọn nút Thêm 2. Nhập thông tin người dùng mới 3. Chọn quyền hạn của nhân viên (Nhân viên/ Người quản lý) 4. Thông tin nhân viên đó sẽ được lưu lại 5. Kết thúc |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): | 3.1 Nhân nút huỷ  2.2 Kết thúc |
| Luồng sự kiện ngoại lệ (Exception Flows): | 2.1 Nhập thiếu thông tin nhân viên  3.1 Chưa chọn quyền hạn của nhân viên |

Bảng 3‑1. Đặc tả của use case thêm nhân viên

### Biểu đồ



### Mô tả use case UC001

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Sửa nhân viên** | |
| Mục đích: | Chỉnh sửa được thông tin nhân viên có sẵn ở trong CSDL và lưu lại thông tin mới. |
| Mô tả: | Người quản lý sẽ chỉnh sửa thông tin nhân viên trong danh sách. |
| Tác nhân: | Người quản lý |
| Điều kiện trước: | Đăng nhập thành công bằng tài khoản người quản lý và chọn vào mục Quản lý nhân viên |
| Điều kiện sau: | Thông tin nhân viên đã chỉnh sửa sẽ được lưu lại |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | 1. Chọn nhân viên cần thay đổi thông tin 2. Chỉnh sửa thông tin cần thay đổi 3. Nhấn nút Lưu 4. Thông tin nhân viên đó sẽ được lưu lại 5. Kết thúc |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): | 3.1 Nhân nút huỷ  2.2 Kết thúc |
| Luồng sự kiện ngoại lệ (Exception Flows): | 2.1 Nhập thiếu thông tin nhân viên |

Bảng 3‑1. Đặc tả của use case sửa nhân viên

### Biểu đồ



### Mô tả use case UC001

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Xoá nhân viên** | |
| Mục đích: | Xoá được thông tin nhân viên ở trong CSDL |
| Mô tả: | Người quản lý sẽ xoá thông tin nhân viên ra khỏi danh sách. |
| Tác nhân: | Người quản lý |
| Điều kiện trước: | Đăng nhập thành công bằng tài khoản người quản lý và chọn vào mục Quản lý nhân viên |
| Điều kiện sau: | Thông tin nhân viên đã chỉnh sửa sẽ được lưu lại |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | 1. Chọn nhân viên cần thay đổi thông tin 2. Nhấn nút Xoá 3. Xác nhận đồng ý 4. Thông tin nhân viên được chọn sẽ xoá khỏi danh sách 5. Kết thúc |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): | 3.1 Huỷ xác nhận  2.2 Kết thúc |
| Luồng sự kiện ngoại lệ (Exception Flows): | 2.1 Chưa chọn nhân viên cần xoá |

Bảng 3‑1. Đặc tả của use case xoá nhân viên

### Biểu đồ

